

Bản án số: 255/2024/HN-ST
Ngày: 30/8/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Ngọc Liêm, bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2024/TLST-HN ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2024/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Võ Thị T**, sinh năm 1979, cư trú: **tổ F, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang** (có mặt).

2. Bị đơn: ông **Châu Thanh T1**, sinh năm 1980, cư trú: **tổ F, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 04/6/2024, nguyên đơn bà **Võ Thị T** trình bày:

Bà và ông **T1** tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Bến Tre**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2022 ông **T1** bỏ đi, không sống chung với bà, khi đó bà không rõ lý do và không biết ông **T1** đi đâu nhưng ông **T1** có nhắn tin cho bà với nội dung ông **T1** đi và kêu bà nuôi con dùm ông **T1**. Sau đó bà có liên hệ với ông **T1**, ông **T1** nói với bà là ông **T1** sắp xếp công việc 10 ngày sau sẽ về. Sau 10 ngày bà không thấy ông **T1** về, bà có cố gắng liên hệ lại nhưng ông **T1** đã ngăn chặn mọi liên hệ của bà. Do thời gian ly thân đã lâu và ông **T1** có người phụ nữ khác do bà thấy ông **T1** có đăng hình ảnh ông **T1** ôm người phụ nữ khác trên

mạng xã hội nên bà yêu cầu ly hôn với ông **T1**.

Về con chung: có 02 con chung tên **Châu Đại P**, sinh năm 2005 (đã thành niên) và **Châu Ngọc Như Ý**, sinh năm 2010. **Cháu P** đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, **cháu Ý** hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên **Châu Ngọc Như Ý** và xin rút lại yêu cầu ông **T1** cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu ông **T1** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông **Châu Thanh T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông **T1** vẫn không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T** đối với ông **T1**. Về quan hệ con chung, bà **T** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên **Châu Ngọc Như Ý**, sinh năm 2010, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **T** về việc yêu cầu ông **T1** cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà **Võ Thị T** có đơn yêu cầu ly hôn với ông **Châu Thanh T1**, ông **T1** cư trú **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Ông **Châu Thanh T1** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **T1**

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T1 quen biết nhau sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2022, ông T1 không chung sống với bà và có người phụ nữ khác, sau đó bà T có tìm cách liên lạc nhưng ông T1 vẫn ngăn chặn mọi liên lạc và vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T1 không còn sống chung với bà T từ tháng 5 năm 2022 đến nay và cũng không liên lạc, không còn quan tâm đến bà T cùng các con. Từ đó cho thấy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 và mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có căn cứ theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Châu Đại P, sinh năm 2005 (đã thành niên) và Châu Ngọc Như Ý, sinh năm 2010. Châu P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Ý hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Châu Ngọc Như Ý. Xét thấy, con chung đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, giao cháu Châu Ngọc Như Ý cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị T**.

- Về quan hệ hôn nhân: bà **Võ Thị T** được ly hôn với ông **Châu Thanh T1**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2004 ngày 26/10/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp cho ông **Châu Thanh T1** và bà **Võ Thị T** không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Bà **Võ Thị T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Châu Ngọc Như Ý, sinh năm 2010. Ông **Châu Thanh T1** không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà **Võ Thị T** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **Châu Thanh T1** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị T** về việc yêu cầu ông **Châu Thanh T1** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí sơ thẩm:

Bà **Võ Thị T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015574 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 6 năm 2024.

Ông **Châu Thanh T1** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuyên